TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 5 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Tỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1986, địa chỉ: Khu phố P, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1980, địa chỉ: Khu phố P, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T qua tìm hiểu, tự nguyện yêu thương lấy nhau, có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Lam (nay là thị trấn L) vào ngày 03/01/2008. Sau khi kết hôn tình cảm giữa vợ chồng chỉ hạnh phúc được khoảng 02 năm, thì không còn hạnh phúc mà P sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng

quan điểm, dẫn đến vợ chồng liên tục xảy ra cãi vã, đã có nhiều lần anh T còn chửi bới, đánh đập, xúc phạm chị. Vì thương các con nên chị đã cố gắng chịu đựng chung sống với anh T, nhưng tình cảm vợ chồng không có. Đến tháng 11/2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh T chửi bới, xúc phạm, đánh đập chị, do không thể chịu đựng được nữa nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị Q xác định vợ chồng có 03 con chung là các cháu Trần Thủy T1, sinh ngày 12/8/2008; Trần T2, sinh ngày 03/8/2010 và cháu Trần Tấn P, sinh ngày 03/01/2019. Ly hôn quan điểm của chị Q là đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị được trực tiếp nuôi cháu Thủy T1 và cháu Tấn P; chị đồng ý giao anh T trực tiếp nuôi cháu Trần T2. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/01/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Q lấy nhau do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới và làm đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Lam (nay là thị trấn L) vào ngày 03/01/2008. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng do tính chất công việc khác nhau, nên có lúc xảy ra bất đồng quan điểm; anh mong muốn chị Q hiểu và chia sẻ với anh trong công việc và kinh tế gia đình, nhưng chị Q không đồng cảm với anh, trong lúc nóng giận anh có đánh chị Q, thì chị Q bỏ về nhà mẹ đẻ ở, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2021 đến nay. Quan điểm của anh T là không muốn vợ chồng ly hôn, nhưng nay chị Q đòi ly hôn thì anh đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 03 con chung là các cháu Trần Thủy T1, sinh ngày 12/8/2008; Trần T2, sinh ngày 03/8/2010 và cháu Trần Tấn P, sinh ngày 03/01/2019. Quan điểm của anh T là anh xin được trực tiếp nuôi cả 03 con, không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh T xác định là vợ chồng tự chia, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/01/2022 các cháu Trần Thủy T1 và Trần T2 đều có ý kiến, thể hiện nguyện vọng muốn được ở với mẹ (chị Q), nếu bố mẹ ly hôn.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 18/4/2022, đại diện Ủy ban nhân thị trấn L cho biết: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Lam (nay là thị trấn L) vào ngày 03/01/2008. Chị Q và anh T có 03 con chung là các cháu Trần Thủy T1, sinh ngày 12/8/2008; Trần T2, sinh ngày 03/8/2010 và cháu Trần Tấn P, sinh ngày 03/01/2019. Qúa trình chị Q, anh T chung sống với nhau vào thời điểm năm 2008 vợ chồng có mâu thuẫn với nhau, nên địa phương hòa giải vợ chồng đã quay lại đoàn tụ với nhau. Hiện tại chị Q và anh T đang sống ly thân nhau, chị Q đã về ở cùng bố mẹ đẻ; mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Q, anh T như thế nào địa phương không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát P biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện không đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Trần Văn T. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Thủy T1, sinh ngày 12/8/2008 và cháu Trần Tấn P, sinh ngày 03/01/2019 cho chị Nguyễn Thị Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao con chung là cháu Trần T2, sinh ngày 03/8/2010 cho anh Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Văn T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Q khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Trần Văn T, cư trú tại: Khu phố Hào Lương, thị trấn L, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Văn T tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân Lam (nay là thị trấn L) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/01/2008, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó từ khoảng năm 2010 thì tình cảm giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, giữa vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng, chia sẻ lẫn nhau trong công việc và kinh tế gia đình, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 11/2021 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, anh T có đánh chị Q, thì chị Q bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân đến nay. Qúa trình giải quyết vụ án, chị Q và anh T đều có ý kiến thể hiện quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Q, xử cho chị Nguyễn Thị

Q được ly hôn với anh Trần Văn T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Văn T đều xác định vợ chồng có 03 con chung là các cháu Trần Thủy T1, sinh ngày 12/8/2008; Trần T2, sinh ngày 03/8/2010 và cháu Trần Tấn P, sinh ngày 03/01/2019.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị Q và anh T, thấy rằng: Cả 03 con chung của vợ chồng đều đang ở độ tuổi cần phải có người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; trong khi cả chị Q và anh T đều có đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền được nuôi con của hai bên vợ chồng sau ly hôn, đồng thời là chia sẻ khó khăn trong việc nuôi con của hai bên sau khi ly hôn, cần thiết phải giao cho cả hai anh chị mỗi người đều được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Trong qúa trình giải quyết vụ án, 02 con trên 07 tuổi là cháu Thủy T1 và Trần T2 đều có ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ (chị Q); còn cháu Tấn P dưới 7 tuổi, nên không ghi nhận nguyện vọng. Hội đồng xét xử, thấy rằng: Cháu Tấn P đang còn nhỏ, mới hơn 3 tuổi, nếu giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc chăm sóc; cháu Tấn P lại ở độ tuổi đang đi học mẫu giáo, bản thân chị Q là giáo viên mầm non, nên việc giao chị Q chăm sóc, giáo dục con sẽ có nhiều thuận tiện. Cháu Thủy T1 là con gái đang ở độ tuổi P triển về thể chất và sinh lý giới tính, nên cũng rất cần sự chăm sóc, chia sẻ của người mẹ. Đối với cháu Trần T2 là con trai, đã lớn, có thể tự lo những sinh hoạt cá nhân cơ bản, nên việc giao cho anh T trực tiếp chăm sóc sẽ không gặp khó khăn. Vì vậy, cần chấp nhận ý kiến của chị Q, giao 02 con chung là Thủy T1 và Tấn P cho chị Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Trần T2 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, như vậy là đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Q và anh T đều có ý kiến không yêu cầu cấp dưỡng, nên chị Q và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Văn T đều có ý kiến thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Văn T có 03 (ba) con chung là các cháu Trần Thủy T1, sinh ngày 12/8/2008; Trần T2, sinh ngày 03/8/2010 và cháu Trần Tấn P, sinh ngày 03/01/2019.

Giao 02 con chung là Trần Thủy T1 và Trần Tấn P cho chị Nguyễn Thị Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao con chung là Trần T2 cho anh Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Văn T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Q đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014092 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Nguyễn Thị Q đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn L;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến